

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 05 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hương

Bà Triệu Thị Phấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2019/TLST - HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST - QĐ ngày 18/3/2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị Y (Tên gọi khác: Không) Sinh năm 1963 (Không xác định được ngày tháng sinh) tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 2 thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên;

Chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn D, sinh năm 1940 và con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1938 hiện đều trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Chồng: Hồ Mỹ N, sinh năm 1961, đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 2001

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/12/2018, tạm giam ngày 26/12/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Y gồm: Ông Phan Tùng Lâm và ông Hà Minh Hiếu - Luật sư - Công ty luật hợp danh Nghiệp Hưng thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội - Điều có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

1. Anh Võ Minh H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 11 phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Anh Hồ Mỹ N, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Có mặt.

3. Anh Hồ Sỹ T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 30/3/1996, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai phát hiện, bắt quả tang Trần Văn T, sinh năm 1967, trú tại Tổ dân phố số 2, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói nhỏ thuốc phiện. Qua đấu tranh, Trần Văn T khai nguồn gốc thuốc phiện là do Trần Văn T mua của Võ Minh H, sinh năm 1967, trú ở Tổ dân phố số 2, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai với giá 20.000đ. Đến 17 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Võ Minh H phát hiện, thu giữ tại trần nhà của Võ Minh H 01 gói chất nhựa màu nâu đen có trọng lượng 50 gam; Thu giữ tại túi áo treo ở cột 02 gói nhỏ chất nhựa màu nâu đen; Thu giữ 1,9 kg chất nhựa dẻo màu nâu đen ở dưới tổ ong trong chuồng lợn và một số đồ vật, tài sản có liên quan. Qua đấu tranh, Võ Minh H khai nhận: Ngày 17/3/1996, Phạm Thị Y, sinh năm 1963, trú tại khối 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) và mẹ đẻ của Võ Minh H là bà Hoàng Thị S (tên gọi khác là Khoảng Thị S), sinh năm 1934 trú tại Tổ 13, phường N, thị xã L, tỉnh Lai Châu (nay là phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên) đến nhà Võ Minh H. Tại đây, Phạm Thị Y thỏa thuận bán cho Võ Minh H 1,9 kg thuốc phiện với giá 13.000.000đ/1 kg, tổng số tiền phải thanh toán là 24.700.000đ, nhưng giữa Võ Minh H và Phạm Thị Y chưa thanh toán tiền cho nhau. Quá trình thỏa thuận mua bán ma túy giữa Phạm Thị Y và Võ Minh H, thì bà Hoàng Thị S là người chứng kiến toàn bộ sự việc. Sau khi mua được ma túy, Võ Minh H chưa kịp tiêu thụ thì bị lực lượng Công an khám xét phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại bản Thông báo kết quả giám định số 05 ngày 15/4/1996 của Tổ chức giám định tư pháp kỹ thuật hình sự và pháp y Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Vật chứng gửi đến giám định trong vụ án có thành phần của thuốc phiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai đã khởi tố vụ án hình sự và ra Quyết định khởi tố bị đối với Võ Minh H về tội “Mua bán trái phép các chất ma túy” theo điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989. Sau khi vụ án được chuyển cấp tỉnh giải quyết theo thẩm quyền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Hoàng Thị S về tội “Không

tổ giác tội phạm” theo điều 247 Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989; Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt tạm giam đối với Phạm Thị Y về tội “Mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy” theo điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989. Ngày 06/8/1996, Phạm Thị Y bị bắt tại nhà riêng ở khối 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh Điện Biên). Tuy nhiên, quá trình áp giải Y đã bỏ trốn khi đang bị tạm giữ tại Công an huyện T, tỉnh Điện Biên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Lào Cai đã ra quyết định truy nã số 38 ngày 10/8/1996 đối với Phạm Thị Y.

Tại bản án hình sự số 93/HS/ST ngày 11/11/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xử phạt Võ Minh H 09 năm tù về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép các chất ma túy” và xử phạt Hoàng Thị S 04 tháng tù về tội “Không tổ giác tội phạm”.

Về vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy số thuốc phiện đã thu giữ và 01 bộ bàn đèn, 01 cân tiểu ly, 01 con dao.

Đối với Phạm Thị Y ngày 17/12/2018, đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai bắt truy nã tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

Quá trình điều tra Phạm Thị Y khai nhận: Ngày 15/3/1996, bà Hoàng Thị S đến nhà bị cáo ở khối 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh Điện Biên), rủ bị cáo đi mua vải và quần áo ở Lào Cai. Bà S nói đi đường xuống Hà Nội rồi lên Lào Cai mang "Hàng" cho con trai là Võ Minh H nhà ở thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, sau đó bà Hoàng Thị S nói cho bị cáo biết "Hàng" ở đây là thuốc phiện và bà Hoàng Thị S nhờ bị cáo đứng ra nhận số thuốc phiện đó là của bị cáo, đồng thời bà Hoàng Thị S nhờ bị cáo thỏa thuận việc mua bán thuốc phiện với Võ Minh H, bà Hoàng Thị S hứa sau khi bán được ma túy thì trả công cho bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Trưa cùng ngày, Phạm Thị Y bế theo con là Hồ Sỹ T (sinh năm 1995) cùng bà Hoàng Thị S đi ô tô xuống Hà Nội. Trước khi đi, bị cáo hỏi bà Hoàng Thị S vì sao không đi theo đường 6 qua huyện Sa Pa xuống thị trấn P, thì bà Hoàng Thị S nói là mang theo thuốc phiện trên đường 6 có nhiều trạm kiểm tra quen mặt bà Hoàng Thị S nên bà Hoàng Thị S không dám đi. Khi đó, bị cáo nhìn thấy bà Hoàng Thị S buộc 02 gói thuốc phiện ở hai bên đùi. Trưa 16/3/1996, bà Hoàng Thị S và bị cáo cùng con trai bị cáo xuống đến bến xe Hà Nội, tối 16/3/1996, cả ba tiếp tục đi tàu lên thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, gần sáng 17/3/1996 thì lên đến thị trấn P, bà Hoàng Thị S đã dẫn mẹ con bị cáo vào nhà Võ Minh H ở Tổ dân phố số 2, thị trấn P. Khi vào nhà Võ Minh H thì Võ Minh H đi vắng, bà Hoàng Thị S đã lấy 02 gói thuốc phiện buộc ở hai bên đùi cho vào 01 túi ni lon và để trong 01 chiếc làn nhựa màu đỏ. Tại đây bà Hoàng Thị S tiếp tục dặn bị cáo “*Nếu thằng Hòa về có hỏi thì Y nhận số thuốc phiện này là của Y*”. Khoảng 01 giờ sau, Võ Minh H về nhà, lúc này trong nhà chỉ có bà Hoàng Thị S, Phạm Thị Y, Võ Minh H cùng con của bị cáo, Phạm Thị Y nói với Võ Minh H “*Chị có ít hàng gửi em bán cho chị được bao nhiêu tiền thì đưa cho bà S*” đồng thời Phạm Thị Y hỏi Võ Minh H “*Bây giờ bán thuốc phiện được bao nhiêu tiền một kg*”, Hòa trả lời “*Bán được 13.000.000đ/1 kg*”, đồng thời bà Hoàng Thị S lấy 02 gói thuốc phiện từ làn nhựa ra cân được 1,9 kg. Sau đó bà Hoàng Thị S giao thuốc phiện cho Võ Minh H.

Hôm sau, bị cáo cùng bà Hoàng Thị S sang Trung Quốc mua vải về bán và sau đó bị cáo đi về nhà ở thị trấn T, tỉnh Lai Châu.

Đến ngày 06/8/1996, Phạm Thị Y bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai bắt. Tuy nhiên, khi bị áp giải từ Điện Biên về Lào Cai, Phạm Thị Y được Cơ quan điều tra gửi tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Điện Biên đêm 06/8/1996, do con trai Phạm Thị Y là Hồ Sỹ T khóc nhiều nên cán bộ Công an huyện T đã cho 02 mẹ con Phạm Thị Y lên phòng khách của Công an huyện T, lợi dụng sự sơ hở của cán bộ Công an, Phạm Thị Y bế con trai bỏ trốn khỏi Công an huyện T rồi đi vào tỉnh Đồng Nai, sau đó cùng gia đình đến sinh sống tại Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quá trình bỏ trốn khỏi địa phương, Phạm Thị Y không đăng ký hộ khẩu thường trú và không vi phạm pháp luật. Phạm Thị Y khẳng định, trong quá trình được bà Hoàng Thị S rủ đi mua vải, quần áo và thỏa thuận việc mua bán ma túy với Võ Minh H, thì bà Hoàng Thị S là người trực tiếp cất giấu và vận chuyển ma túy, bản thân Phạm Thị Y không tham gia vận chuyển, nguồn gốc 1,9 kg thuốc phiện là của bà Hoàng Thị S. Đối với số tiền 01 triệu đồng mà bà Hoàng Thị S hứa trả cho Phạm Thị Y thì bị cáo Phạm Thị Y chưa được nhận.

Căn cứ lời khai của Phạm Thị Y, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã tiến hành lấy lời khai anh Võ Minh H để làm rõ các tình tiết có liên quan đến vụ án, anh Hòa đã khai nhận: Sau khi anh Hòa chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương thì anh được bà Hoàng Thị S nói cho biết nguồn gốc 1,9 kg thuốc phiện là của bà Hoàng Thị S, không phải của Phạm Thị Y. Tuy nhiên, đến năm 2008 thì bà Hoàng Thị S đã ốm chết. Đối với số ma túy thu giữ của Võ Minh H ngày 30/3/1996, đến ngày 04/4/1997, Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai đã tiêu hủy 02 gói nhỏ niêm phong, 01 bộ bàn đèn, 01 cân tiểu ly, 01 con dao và đến ngày 04/01/1998, đã bàn giao số thuốc phiện cho Hội đồng tiêu hủy tang vật tỉnh Lào Cai để tiêu hủy theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Phạm Thị Y về tội "Mua bán trái phép các chất ma túy" theo Điểm c Khoản 2 Điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 14/3/2019 đã tuyên phạt bị cáo Phạm Thị Y 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2018 theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1989.

Ngày 28/3/2019 bị cáo Phạm Thị Y kháng cáo kêu oan. Tại bản án phúc thẩm số 13/2019/HS-PT ngày 20/6/2019 đã căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 355; Điểm b, c Khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên hủy bản án sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B để giải quyết theo thủ tục chung.

Tại bản cáo trạng số 38/CT - VKS ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Phạm Thị Y về tội "Mua bán trái

phép chất ma túy" theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Y phạm tội: "Mua bán trái phép các chất ma túy" theo Điểm c Khoản 2 Điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989. Trong đó:

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 96a; Điều 17, Điểm h Khoản 1, Khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989; Xử phạt bị cáo Phạm Thị Y từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 93 HS/ST ngày 11/11/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các luật sư trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Y như sau: Lời khai của bị cáo Phạm Thị Y tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra truy tố và xét xử lại vụ án thể hiện bị cáo Phạm Thị Y không nhận thức được "Hàng" bà Hoàng Thị S nhờ bán hộ là thuốc phiện, không có căn cứ bị cáo Phạm Thị Y được hưởng lợi 01 triệu đồng từ việc nhận bán hàng hộ bà Hoàng Thị S. Mặt khác quá trình điều tra cơ quan điều tra chỉ căn cứ vào thông báo kết quả giám định số 05 ngày 15/4/1996 mà không có kết luận giám định của cơ quan giám định để làm căn cứ truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Y chưa được cơ quan điều tra, Viện kiểm sát làm rõ. Do vậy xét thấy không đủ căn cứ để buộc tội đối với bị cáo Phạm Thị Y. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Thị Y không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thị Y đã khai nhận: Ngày 15/3/1996, bà Hoàng Thị S đến nhà bị cáo ở khối 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, rủ bị cáo đi mua vải và quần áo ở Lào Cai. Bà S nói đi đường xuống Hà Nội rồi lên Lào Cai mang "Hàng" cho con trai là Võ Minh H nhà ở thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, khi đó bà Hoàng Thị S có nói cho bị cáo biết "Hàng" ở đây là "thuốc phiện" và bà Hoàng Thị S nhờ bị cáo đứng ra nhận số thuốc phiện đó là của bị cáo, đồng thời bà Hoàng Thị S nhờ bị cáo thỏa thuận việc mua bán thuốc phiện với Võ Minh H để Võ Minh H không trả giá thấp, đồng thời bà Hoàng Thị S hứa sau khi bán được ma túy thì trả công cho bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đã được bị cáo đồng ý. Trưa cùng ngày, Phạm Thị Y bế theo con là Hồ Sỹ T (sinh năm 1995) cùng bà Hoàng

Thị S đi ô tô xuống Hà Nội. Trước khi đi, bị cáo hỏi bà Hoàng Thị S vì sao không đi theo đường 6 qua huyện Sa Pa xuống thị trấn P, thì bà Hoàng Thị S nói là mang theo "thuốc phiện" trên đường 6 có nhiều trạm kiểm tra quen mặt nên bà Hoàng Thị S không dám đi. Khi đó, bị cáo nhìn thấy bà Hoàng Thị S buộc 02 gói thuốc phiện ở hai bên đùi. Trưa 16/3/1996, bà Hoàng Thị S và bị cáo cùng con trai bị cáo xuống đến bến xe Hà Nội, tối 16/3/1996, cả ba tiếp tục đi tàu lên thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, gần sáng 17/3/1996 thì lên đến thị trấn P, bà Hoàng Thị S đã dẫn mẹ con bị cáo vào nhà Võ Minh H ở Tổ dân phố số 2, thị trấn P. Khi vào nhà Võ Minh H thì Võ Minh H đi vắng, bà Hoàng Thị S đã lấy 02 gói thuốc phiện buộc ở hai bên đùi cho vào 01 túi ni lông và để trong 01 chiếc làn nhựa màu đỏ. Tại đây bà Hoàng Thị S tiếp tục dặn bị cáo “ *Nếu thằng Hòa về có hỏi thì nhận số thuốc phiện này là của Y*”. Khoảng 01 giờ sau, Võ Minh H về nhà, lúc này trong nhà chỉ có bà Hoàng Thị S, Phạm Thị Y, Võ Minh H cùng con của bị cáo, Phạm Thị Y nói với Võ Minh H “*Chị có ít hàng gửi em bán cho chị được bao nhiêu tiền thì đưa cho bà S*”, đồng thời Phạm Thị Y hỏi Võ Minh H “*Bây giờ bán thuốc phiện được bao nhiêu tiền một kg*”, Hòa trả lời “*Bán được 13.000.000đ/1 kg*”, đồng thời bà Hoàng Thị S lấy 02 gói thuốc phiện từ làn nhựa ra cân được 1,9 kg. Sau đó bà Hoàng Thị S giao thuốc phiện cho Võ Minh H. Hôm sau, bị cáo cùng bà Hoàng Thị S sang Trung Quốc mua vải về bán và sau đó bị cáo đi về nhà ở thị trấn T, tỉnh Lai Châu. Đến ngày 30/3/1996 cơ quan điều tra công an huyện B đã bắt và khám xét khẩn cấp đối với Võ Minh H và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Ngày 06/8/1996 bị cáo bị công an bắt và gửi tạm giữ tại nhà tạm giữ công an huyện T, tỉnh Lai Châu, lợi dụng sự sơ hở của cán bộ quản giáo bị cáo đã trốn khỏi nơi giam giữ, đến ngày 17/12/2018 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điểm c Khoản 2 Điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985.

Bị cáo Phạm Thị Y là người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Song do háms lợi nên bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật nhận lời với bà Hoàng Thị S để trao đổi và bán cho Võ Minh H 1,9 kg thuốc phiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Mặt khác sau khi phạm tội bị bắt bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy đối với bị cáo cần phải lên một mức án phù hợp để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Song xét về hành vi mức độ phạm tội của bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức thứ yếu. Mặt khác bị cáo chỉ là người nhận lời nói với Võ Minh H bán số thuốc phiện cho Võ Minh H do bà Hoàng Thị S nhờ bán hộ, bị cáo không trực tiếp giao nhận thuốc phiện cho Võ Minh H mà do bà Hoàng Thị S là người trực tiếp giao nhận với Võ Minh H. Do vậy tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Y theo bản cáo trạng số 38/CT - VKS ngày 21/10/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 96a; Điều 17; Điểm h Khoản 1, Khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi bổ sung năm 1989 xử phạt bị

cáo dưới khung hình phạt là có căn cứ. Nên hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp nhưng Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù là cao so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy hội đồng xét xử cần phải xem xét cân nhắc để lên một mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện thể hiện tính khoan hồng của nhà nước ta.

Ý kiến của các luật sư tại phiên tòa qua phân tích đánh giá những yếu tố cấu thành tội phạm các luật sư cho rằng trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Thị Y không nhận thức được "Hàng" bà Hoàng Thị S nhờ bán hộ là thuốc phiện, không có căn cứ bị cáo Phạm Thị Y đã nhận 1.000.000đ (Một triệu đồng) được hưởng lợi từ việc nhận bán "hàng" hộ bà Hoàng Thị S. Mặt khác quá trình điều tra cơ quan điều tra Viện Kiểm sát chỉ căn cứ vào thông báo kết quả giám định số 05 ngày 15/4/1996 mà không có kết luận giám định của cơ quan giám định là không có cơ sở về mặt pháp lý để buộc tội đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật tuyên bị cáo Phạm Thị Y không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng Võ Minh H và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác theo bản án số 93/HS - ST ngày 11/11/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xét xử Võ Minh H về tội "Mua bán tàng trữ trái phép các chất ma túy" và Hoàng Thị S về tội " Không tố giác tội phạm" bản án đã có hiệu lực pháp luật và các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương thì bà Hoàng Thị S đã chết. Do vậy phải xác định rằng về ý thức chủ quan của Võ Minh H và Phạm Thị Y đều nhận thức 1,9kg chất nhựa màu nâu đen Phạm Thị Y bán cho Võ Minh H vào ngày 17/3/1996 là thuốc phiện. Mặt khác căn cứ vào công văn số 198/CV ngày 18/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lào Cai về việc giải thích kết luận giám định chất ma túy khẳng định tại thời điểm giám định thông báo kết quả giám định số 05/GĐ ngày 15/4/1996 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lào Cai chính là bản kết luận giám định chất ma túy của vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để xác định bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Phạm Thị Y về tội "Mua bán trái phép các chất ma túy" theo Điều c Khoản 2 Điều 96a Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989 là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Căn cứ vào những tình tiết, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy lời bào chữa và ý kiến đề nghị của các luật sư tại phiên tòa là không có căn cứ để chứng minh bị cáo Phạm Thị Y không phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều h Khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều

38 Bộ luật hình sự đó là " Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và bị cáo có bổ đề là ông Phạm Văn D được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ hạng Ba. Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 3 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 quyết định cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà điều luật đã quy định là có căn cứ phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Đối với hành vi bỏ trốn khỏi nhà tạm giữ của Phạm Thị Y vào đêm 06/8/1996, xét thấy có dấu hiệu của tội "Trốn khỏi nơi giam" theo quy định tại Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989. Tuy nhiên do thời gian xảy ra đã trên 20 năm, sau khi Y bỏ trốn cơ quan điều tra không khởi tố bị cáo về tội "Trốn khỏi nơi giam" tính đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra và viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ đúng pháp luật nên không đề cập xử lý.

[4]. Liên quan trong vụ án này còn có Hoàng Thị S theo lời khai của Phạm Thị Y và Võ Minh H thì 1,9 kg chất nhựa màu nâu đen Võ Minh H và Phạm Thị Y đều nhận thức là thuốc phiện bị thu giữ là của bà Hoàng Thị S. Bà Hoàng Thị S nhờ Phạm Thị Y nhận bán cho Võ Minh H vì sợ Võ Minh H bớt tiền của bà Hoàng Thị S. Tuy nhiên bà Hoàng Thị S đã chết nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản, không có việc làm ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 93 HS/ST ngày 11/11/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp và đúng với trình tự thủ tục tố tụng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Y phạm tội "Mua bán trái phép các chất ma túy".

1. Về hình phạt: Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 96a; Điều 17; Điểm h Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Y 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 17/12/2018.

2. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị Y phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Công an Bảo Thắng;
- Trại tạm giam công an tỉnh Lào Cai;
- PC 81;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Thi hành án hình sự, dân sự (2);
- Bị cáo;
- Các luật sư (02);
- Lưu HS, TA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Như Long